TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám
Bà Lê Hoàn Sinh
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/DSST-QĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1996; Nơi thường trú: Ấp B, xã A, tỉnh Đ (vắng mặt)

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Doãn Văn B, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Khu phố N, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Doãn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 23/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình bên nội tại khu phố Nhuệ Sâm, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, có lần còn xảy ra xô xát. Đến tháng 3 năm 2024 thì vợ chồng vào Bình Dương sinh sống, thời điểm đó chị Thùy đi làm, còn anh B đi làm thời vụ lúc có việc lúc không nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đỉnh điểm

mâu thuẫn là vào đầu tháng 8 năm 2025 chị về quê sinh sống cùng với bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Doãn Văn Bằng.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là Doãn Ngọc U sinh ngày 01/6/2023, sau khi vợ chồng ly thân anh Bằng không cho chị mang con đi và cản trở việc chị thăm gặp con, chị đã nhiều lần đến nhà và đến trường học của con nhưng bị anh B cản trở. Ly hôn nguyện vọng của chị Thùy là được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh Bằng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 30/10/2025 và đơn trình báo ngày 16/12/2025, bị đơn anh Doãn Văn B trình bày: Anh đã được nhận thông báo thụ lý về việc ly hôn giữa anh và chị Võ Thị Thu T. Hiện nay anh đang ở cùng với con là cháu Doãn Ngọc U, vào ngày cuối tuần anh có cho con chơi nhà bóng cùng chị T, không ngăn cản chị Thùy thăm con. Việc chị T có trình báo anh cản trở việc thăm con tại trường mầm non con đang theo học là sai sự thật, chị Thùy có đến trường một lần, không có việc anh yêu cầu cô giáo và nhà trường không cho gặp con. Chị T có nguyện vọng nuôi con nhưng từ khi bỏ đi không cung cấp tiền sữa cho con.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Bằng, chị Thùy kết hôn tại UBND xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, tổ chức lễ cưới tại địa phương và chung sống cùng với gia đình anh B tại khu phố Nhuệ Sâm, huyện Đông Sơn (nay là phường Đông Sơn), tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể do nguyên nhân nào thì chính quyền địa phương không nắm bắt được. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định cucar pháp luật để giải quyết. Về con: anh chị có 01 con chung cháu Doãn Ngọc U sinh ngày 01/6/2023, việc giao con cho ai nuôi dưỡng đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản và công nợ: địa phương không nắm bắt được.

Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp cung cấp hiện tại chị Võ Thị Thu T đang có chồng là anh Doãn Văn B có giấy chứng nhận kết hôn số 81 do UBND xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2022.

Theo cung cấp của Trường mầm non Bé Ngoan: Hiện tại cháu Doãn Ngọc U đang học ở trường, nhà trường không ban hành bất kỳ quy định nào và cũng không thực hiện hành động cản trở hay ngăn cấm việc cha mẹ gặp con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không đưa ra quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Võ Thị Thu T xin ly hôn anh Doãn Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Doãn Ngọc U sinh ngày 01/6/2023. Ly hôn giao con cho chị Thùy nuôi dưỡng, anh Bằng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Võ Thị Thu T và bị đơn anh Doãn Văn B là Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được tống đạt hợp lệ, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các buổi làm việc tại Tòa án không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; 228 BLTTDS để giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân:* Chị Võ Thị Thu T và anh Doãn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình cùng gia đình bên nội anh chị không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, xúc phạm nhau và còn xảy ra xô xát. Sau khi thay đổi nơi sinh sống thì mâu thuẫn của anh chị càng trầm trọng không thể hàn gắn và chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù anh B biết rõ chị T xin ly hôn nhưng không có quan điểm về hôn nhân, để mặc. Việc chị Thùy trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Bằng là phù hợp.

* *Về con:* Anh chị có 01 con chung là Doãn Ngọc U sinh ngày 01/6/2023. Anh chị đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu U, anh B hiện nay đang trực tiếp chăm sóc con. Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp hiện đang làm công nhân may mặc tại Công ty TNHH Premier Clobal Việt Nam, thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000đ, nếu được giao nuôi con chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án yêu cầu anh Bằng cung cấp nơi cư trú hiện nay và thu nhập thực tế, điều kiện nuôi dưỡng nhưng anh Bằng không cung cấp. Việc anh Bằng cho rằng chị T không chu cấp tiền, sữa cho con trong thời gian ly thân không phải là căn cứ để tước quyền trực tiếp nuôi con của người mẹ. Anh B hiện chưa có việc làm, thu nhập, mặc dù cháu U được đi học, phát triển bình thường tuy nhiên về mặt lâu dài sẽ không đảm bảo được việc nuôi con. Hiện tại cháu U đang dưới 36 tháng tuổi, là nữ, quá trình vợ chồng ly thân chị T đã nhiều lần yêu cầu được mang con đi cùng nhưng anh Bằng không đồng ý. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Doãn Ngọc U cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Bằng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn anh Doãn Văn B.

2. Về con chung: Công nhận là Doãn Ngọc U sinh ngày 01/6/2023 con chung của chị Thùy, anh Bằng. Giao cháu Doãn Ngọc U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bằng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Doãn Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BLTU/25E/0001703 ngày 16/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1- Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Liên